

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/LĐ-PT
Ngày: 09-11-2017
V/v tranh chấp về đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Luật

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhàn

Ông Nguyễn Đắc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22, 26 tháng 9 và ngày 09 tháng 11 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2017/TLPT-LĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017 về việc tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 23/2017/LĐ-ST ngày 13/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã TA bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2017/QĐ-PT ngày 14 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Hùng P, sinh năm 1971; địa chỉ: đường CT, Phường 5, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trương Chiến L, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp A, xã AD, thị xã BC, tỉnh Bình Dương (theo giấy ủy quyền ngày 09 tháng 02 năm 2017). Có mặt tại phiên tòa ngày 22 và 26/9/2017; vắng mặt tại phiên tòa ngày 09/11/2017.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH SE VN, địa chỉ: Khu phố B, phường BC, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Richard W, sinh năm 1970; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đoàn Văn T1, sinh năm 1968; địa chỉ liên hệ: đường Đ, Phường 25, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (theo hợp đồng ủy quyền ngày 11 tháng 02 năm 2017). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phùng Minh T2 – Luật sư của Văn phòng Luật sư Phùng Minh T2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Phường 3, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông NLC1, địa chỉ: khu phố T, phường TB, thị xã DA, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Ông NLC2, địa chỉ: khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. Bà NLC3 – Chủ tịch Công Đoàn Công ty TNHH SE VN, địa chỉ: Khu phố B, phường BC, thị xã TA, tỉnh Bình Dương. Có mặt tại phiên tòa ngày 26/9/2017, vắng mặt tại các phiên tòa ngày 22/9/2017 và ngày 09/11/2017.

4. Ông NLC4 – Trưởng phòng Hành chính Công ty TNHH SE VN, địa chỉ: Khu phố B, phường BC, thị xã TA, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH SE VN do ông Richard W làm đại diện.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn, đại diện nguyên đơn thống nhất trình bày:

Ông Võ Hoàng P làm việc tại Công ty TNHH SE VN (sau đây gọi tắt là Công ty) từ tháng 4/2006 và làm việc liên tục từ ngày đó cho đến ngày 20/01/2016. Giữa ông P và Công ty có ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn, chức vụ và công việc theo hợp đồng lao động của ông P tại Công ty là Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng, lương của ông P tính từ năm 2015 là 42.000.000 đồng/tháng.

Vào lúc khoảng 15 giờ ngày 20/01/2016, trong lúc ông P đang làm việc tại văn phòng Công ty thì ông Richard W – Tổng giám đốc của Công ty yêu cầu ông P vào phòng họp với ban điều hành và nhân sự. Tại phòng họp, ông Richard W thông báo miệng là Công ty sa thải ông P ngay lập tức vì ông P làm việc không hiệu quả và yêu cầu bảo vệ Công ty buộc ông P ngay lập tức rời Công ty mà không cho phép ông P quay lại bàn làm việc để lấy bất kỳ hồ sơ, tài liệu gì (hồ sơ, tài liệu như: Hợp đồng lao động, phụ lục hợp đồng lao động, các quyết định bổ nhiệm liên quan giữa ông P và Công ty). Sau khi bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, ông P nộp đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp lao động cá

nhân tại Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thị xã TA giải quyết tranh chấp nhưng đại diện Công ty không đến làm việc.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ông P bị Công ty chấm dứt hợp đồng lao động vào ngày 19/01/2016 nhưng do nhớ nhầm nên trong đơn khởi kiện ghi ngày chấm dứt hợp đồng lao động là ngày 20/01/2017.

Do nhận thấy việc Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với mình là không đúng quy định của pháp luật nên ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty TNHH SE VN phải nhận ông Võ Hùng P trở lại làm việc và bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với các khoản như sau: Bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là: 42.000.000 đồng/tháng x 2 = 84.000.000 đồng; trả tiền lương và phụ cấp khác trong những ngày không được làm việc tính từ ngày 20/01/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/7/2017) là 17 tháng 23 ngày, với số tiền là: 42.000.000 đồng/tháng x 17 tháng + (42.000.000 đồng: 26 ngày/tháng x 23 ngày) = 751.153.846 đồng. Tổng số tiền Công ty TNHH SE VN phải bồi thường cho ông P là 835.153.846 đồng.

Tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp gồm có bản sao kê tài khoản chuyển lương, biên bản làm việc về ngăn cản không cho vào Công ty TNHH SE VN làm việc, giấy mời hòa giải về tranh chấp lao động.

Bị đơn Công ty TNHH SE VN đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án cung cấp tài liệu chứng cứ; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày ngày 06/3/2017, ngày 20/4/2017, ngày 11/5/2017; cũng như vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 26/6/2017 và ngày 13/7/2017.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 23/2017/LĐ-ST ngày 13/7/2017 của Tòa án nhân dân thị xã TA, tỉnh Bình Dương căn cứ:

- Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 266, khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 22, Điều 38, Điều 41, Điều 42, Điều 90, Điều 202 Bộ luật Lao động;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Hùng P với bị đơn Công ty TNHH SE VN về việc tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

- Buộc Công ty TNHH SE VN phải nhận ông Võ Hùng P trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã ký kết kể từ ngày tuyên án.

- Buộc Công ty TNHH SE VN phải bồi thường cho ông Võ Hùng P do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với tổng số tiền là 835.153.846 đồng (tám trăm ba trăm triệu một trăm năm mươi ba ngàn tám trăm bốn sáu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/7/2017, bị đơn Công ty TNHH SE VN do ông Richard W làm đại diện có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng: Về tố tụng: Ngày xảy ra tranh chấp lao động giữa ông P và Công ty là ngày 15/01/2016 nên ngày 19/01/2017, ông P mới nộp đơn khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện. Về nội dung: Công ty không ban hành bất kỳ văn bản nào ngăn cản ông P vào Công ty làm việc. Trong khi các tài liệu mà nguyên đơn cung cấp là biên bản làm việc ngày 20/01/2016, ngày 22/01/2016 và ngày 25/01/2016 để thể hiện việc Công ty ngăn cản không cho ông P vào làm việc, có ghi nhận sự tham gia chứng kiến của đại diện Công đoàn là bà NLC3. Nhưng tại các biên bản trên, không có chữ ký của NLC3, cũng như tại phiên tòa NLC3 không thừa nhận nên không đảm bảo tính hợp pháp để được xem là nguồn chứng cứ. Mặt khác, những người làm chứng ký trong các biên bản trên (ông NLC2, ông NLC1) chỉ là bảo vệ của Công ty, họ ký các biên bản trên là ngoài chức năng, nhiệm vụ của bảo vệ và họ cho rằng nội dung họ ký xác nhận không đúng như nội dung các biên bản làm việc ngày 20/01/2016, ngày 22/01/2016 và ngày 25/01/2016 mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, Công ty cho rằng đó là những chứng cứ được tạo lập một cách không hợp pháp và không chịu trách nhiệm về việc nhân viên của mình nhân danh Công ty ký một sự kiện pháp lý không được Công ty ủy quyền. Đối với vấn đề Phòng Lao động - Thương binh và xã hội thị xã TA mời Công ty đến làm việc để hòa giải tranh chấp lao động với ông P thì Công ty không nhận được thư mời, trong khi ông P lại có thư mời để cung cấp cho Tòa án và thời gian buổi làm việc được mời quá gấp nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh, thẩm tra làm rõ mà công nhận sự kiện pháp lý trên là không khách quan. Đối với thời gian diễn ra các phiên họp về việc kiểm tra, công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải, cũng như phiên tòa xét xử sơ thẩm thì thời gian đó, đại diện bị đơn đi công tác nước ngoài nên không thể tham dự và khi đó đại diện bị đơn có trình bày cho Thẩm phán giải quyết vụ án để tránh các thời gian trên, nhưng không được Thẩm phán ghi nhận. Ngoài ra, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc Công ty phải bồi thường và thanh toán tiền lương cho ông P nhưng lại không khấu trừ tiền lương những ngày ông P đã nhận đủ của tháng 01/2016 và không tuyên phạt ông P phải nộp thuế thu nhập cá nhân, nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định pháp luật là có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa

bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện nguyên đơn cho rằng bản án sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật; ý kiến của bị đơn về thời hiệu khởi kiện vụ án và các tài liệu, hồ sơ chứng cứ mà bị đơn cung cấp là không khách quan và không đúng quy định pháp luật tại khoản 4, Điều 96, khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Về tố tụng, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập xác minh, lời khai của những người làm chứng, có cơ sở xác định ông Võ Hùng P tự ý bỏ việc chứ không phải do Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng Công ty không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với ông P.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến trình bày, kết quả hỏi, tranh luận của các đương sự, luật sư, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH SE VN làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và đương sự đã đóng tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về tố tụng:

Xem xét vấn đề thời hiệu khởi kiện: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn trình bày ngày xảy ra tranh chấp lao động giữa ông P và Công ty là ngày 20/01/2016. Tại đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp lao động gửi cho Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thị xã TA (bút lục 133, tài liệu Tòa án thu thập), ông P trình bày ngày xảy ra tranh chấp lao động là ngày 19/01/2016. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ông P bị Công ty chấm dứt hợp đồng lao động vào ngày 19/01/2016 nhưng do nhớ nhầm nên trong đơn khởi kiện ghi ngày chấm dứt hợp đồng lao động là ngày 20/01/2017. Ngược lại, bị đơn cho rằng ngày xảy ra tranh chấp lao động giữa ông P với Công ty là ngày 15/01/2016 nên ngày 19/01/2017, ông P mới nộp đơn khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện. Căn cứ cho yêu cầu kháng cáo của mình, bị đơn xuất trình bảng chi tiết chấm công và trả lương của Công ty đối với ông P tháng 01/2016. Theo đó, trong tháng 01/2016, ông P chỉ làm 10 ngày công và bắt đầu nghỉ việc từ ngày 15/01/2016.

Xét thấy, các tài liệu bị đơn cung cấp chỉ là tài liệu nội bộ Công ty, mang tính chất ý chí của một bên, không được nguyên đơn đối chiếu, thừa nhận. Tại

phiên tòa, đại diện bị đơn cũng thừa nhận việc chấm công của Công ty là sau khi trích xuất từ phần mềm, nhân viên của Công ty phải đối chiếu dấu vân tay và sau đó mới tiến hành chấm công cho người lao động, tức là việc chấm công của Công ty cần phải có sự can thiệp của con người. Mặt khác, theo bản sao kê tài khoản ngân hàng (bút lục 07) thì vào các ngày 02 và 03/02/2016, Công ty vẫn trả hết lương tháng 01/2016 và xét thưởng Tết 2016 cho ông P như một người lao động đi làm việc đầy đủ. Do đó, không thể công nhận nội dung của bảng chi tiết chấm công và trả lương của Công ty đối với ông P tháng 01/2016 để làm căn cứ cho rằng ngày 15/01/2016 là ngày xảy ra tranh chấp lao động giữa ông P với Công ty. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện của vụ án vẫn còn là có cơ sở.

Trong các ngày 22 và 26/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã tiến hành mở phiên tòa để xét xử đối với vụ án. Tuy nhiên, sau đó xét thấy cần tiến hành xác minh làm rõ thêm một số tài liệu, chứng cứ nên Hội đồng xét xử đã quyết định tạm ngừng phiên tòa. Ngày 09/11/2017, phiên tòa xét xử vụ án được tiếp tục, đại diện nguyên đơn ông Trương Chiến L và các người làm chứng ông NLC2, ông NLC1 mặc dầu đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục phiên tòa, tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Về nội dung:

- Nguyên đơn khởi kiện cho rằng bị Công ty TNHH SE VN đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và cung cấp chứng cứ là biên bản làm việc ngăn cản không cho vào làm việc của Công ty đối với ông Võ Hùng P ngày 20/01/2016, ngày 22/01/2016 và ngày 25/01/2016 có xác nhận của ông NLC2 và ông NLC1 là nhân viên bảo vệ của Công ty.

Xét thấy: Theo Biên bản xác minh ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đối với ông NLC1 (bút lục 238), văn bản xin vắng mặt và trình bày ý kiến của ông NLC2 (bút lục 401) thì NLC1, NLC2 đều cho rằng bản thân các ông không có chứng kiến và không biết gì về sự việc xảy ra tranh chấp giữa ông P với Tổng Giám đốc của Công ty. NLC1 khẳng định không biết tiếng Anh và không có nhận lệnh về việc không cho ông P vào Công ty làm việc; NLC2 cũng không có áp giải ông P ra khỏi Công ty như ông P trình bày. Lý do các ông ký vào biên bản ngày 20/01/2016, ngày 22/01/2016 và ngày 25/01/2016 là do ông P nhờ các ông ký xác nhận cho sự việc ông P có đến Công ty, đến cổng bảo vệ của Công ty, chứ không có việc các ông ngăn cản không cho ông P vào Công ty làm việc. Các biên bản nêu trên là do ông P lập sẵn, sau đó nhờ các ông ký xác nhận, còn nội dung thì các ông không nhớ rõ.

Theo các biên bản ngày 20/01/2016, ngày 22/01/2016 và ngày 25/01/2016 mà ông P cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho việc ông P bị ngăn cản không cho vào Công ty làm việc thì nội dung các văn bản còn ghi nhận có sự chứng kiến của NLC4 là Trưởng Phòng Hành chính và bà NLC3 là Chủ tịch Công đoàn của Công ty. Tuy nhiên, qua quá trình xác minh, cũng như lấy lời khai tại

phiên tòa (bút lục 221, 224, 237), NLC4, NLC3 trình bày không biết gì về việc mâu thuẫn giữa ông P với Công ty; NLC4, NLC3 không nhận được lệnh hay có tham gia, chứng kiến sự việc Tổng Giám đốc ra lệnh ngăn cản không cho ông P vào Công ty làm việc và biên bản không có chữ ký của NLC3, NLC4. Trường hợp ông P cho rằng NLC3 vì lý do việc làm không ký vào biên bản xác nhận cho ông; thì lẽ ra, ông phải lập biên bản ghi nhận đúng sự việc xảy ra và nhờ các cá nhân, hay đại diện địa phương chứng kiến sự việc ký xác nhận cho ông, với điều kiện là biên bản phải phản ánh đúng sự thật khách quan đó nhưng ông P đã không thực hiện. Ở đây, các biên bản là do ông P lập sẵn, được ký ngoài trụ sở Công ty, không được những người ký xác nhận văn bản thừa nhận và nội dung văn bản không chính xác, không phản ánh đúng diễn biến của sự thật khách quan nên không có giá trị chứng minh.

- Về đơn của ông P nộp cho Phòng Lao động Thương Binh và Xã hội thị xã TA đề ngày 27/01/2016 để yêu cầu hòa giải tranh chấp lao động giữa ông P với Công ty TNHH SE VN: Theo biên bản xác minh ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (bút lục 236) thì kể từ khi nộp đơn, ông P không đến Phòng Lao động Thương Binh và Xã hội thị xã TA, Phòng Lao động Thương Binh và Xã hội thị xã TA cũng không thể liên hệ được với ông P theo số điện thoại 09XXX4XXXX ông cung cấp trong đơn. Do đó, hồ sơ của Phòng Lao động Thương Binh và Xã hội thị xã TA không có lập biên bản hòa giải giữa ông P và Công ty TNHH SE VN. Giấy mời có đóng dấu treo đề ngày 27/01/2016 là do Phòng Lao động Thương Binh và Xã hội thị xã TA cung cấp cho Tòa án nhân dân thị xã TA trong buổi làm việc chứ không phải gửi cho ông Võ Hùng P, vì từ khi nộp đơn đến nay, ông P không đến liên hệ với Phòng Lao động Thương Binh và Xã hội thị xã TA. Xét thấy, hòa giải không phải là thủ tục tiền tố tụng bắt buộc đối với việc khởi kiện vụ án về tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 201 Bộ luật Lao động; nhưng như trên đã trình bày, các biên bản ngày 20/01/2016, ngày 22/01/2016 và ngày 25/01/2016 nguyên đơn cung cấp cho Tòa án không có giá trị chứng minh, kết luận có sự việc kể từ ngày 20/01/2016, nguyên đơn bị ngăn cản không cho vào Công ty làm việc. Mặt khác, biên bản làm việc ngày 20/01/2016 và 22/01/2016 là nguyên đơn cung cấp sau khi khởi kiện tại Tòa án. Nay nguyên đơn không cung cấp các tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh có sự tranh chấp trên giữa nguyên đơn với Công ty theo quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có cơ sở để xem xét cho rằng bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với nguyên đơn.

Ngoài ra, từ khi nguyên đơn chấm dứt lao động tại Công ty nhưng Công ty vẫn đóng bảo hiểm đầy đủ cho nguyên đơn do vậy càng khẳng định Công ty không đơn phương cho nguyên đơn nghỉ việc.

Vì vậy, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp

luật theo Điều 42 Bộ luật Lao động: Bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động $42.000.000 \text{ đồng/tháng} \times 2 = 84.000.000 \text{ đồng}$; trả tiền lương và phụ cấp khác trong những ngày không được làm việc tính từ ngày 20/01/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/7/2017) là 17 tháng 23 ngày, với số tiền $42.000.000 \text{ đồng/tháng} \times 17 \text{ tháng} + (42.000.000 \text{ đồng} : 26 \text{ ngày/tháng} \times 23 \text{ ngày}) = 751.153.846 \text{ đồng}$, tổng cộng 835.153.846 đồng là không có căn cứ để chấp nhận. Án sơ thẩm không tiến hành xác minh làm rõ giá trị chứng cứ của các tài liệu nguyên đơn cung cấp mà xác định Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với nguyên đơn là chưa chính xác.

Do xác định Công ty không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với nguyên đơn nên yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty nhận nguyên đơn trở lại làm việc là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những nhận định trên, xét thấy kháng cáo của Công ty TNHH SE VN, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp, có cơ sở chấp nhận. Ý kiến của đại diện nguyên đơn không phù hợp với những phân tích nêu trên nên không được chấp nhận.

Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn theo quy định của pháp luật.

Án phí lao động phúc thẩm: Bị đơn Công ty TNHH SE VN không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2, Điều 148; khoản 2, Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

- 1) Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH SE VN.
- 2) Sửa Bản án lao động sơ thẩm số 23/2017/LĐ-ST ngày 13/7/2017 của Toà án nhân dân thị xã TA, tỉnh Bình Dương như sau:

Căn cứ vào:

- Điều 6, Điều 32, Điều 37, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 38, Điều 41, Điều 42, Điều 201, Điều 202 Bộ luật Lao động;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Hùng P với bị đơn Công ty TNHH SE VN về việc buộc Công ty TNHH SE VN

phải bồi thường số tiền 835.153.846 đồng và nhận ông P trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã ký kết do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

2. Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn không phải nộp.

3) Về án phí lao động phúc thẩm: Công ty TNHH SE VN không phải chịu, hoàn trả cho Công ty TNHH SE VN 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0015676 ngày 28/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TA.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;	04
- VKSND tỉnh Bình Dương;	01
- Chi cục THADS thị xã TA;	01
- TAND thị xã TA;	01
- Tổ HCTP;	01
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Lao động.	02

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Văn Luật